

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 407/2024/DSST ngày 27 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ trụ sở chính: Số A đường T, Phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị M** năm 1987, Trưởng phòng KHBL2 Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh N là người đại diện theo ủy quyền (Giấy uỷ quyền số 3574/UQ-NSG.KHBL2 ngày 09/7/2024).

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Kim Y** năm 1969; địa chỉ: Số E đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn bà **Đỗ Thị Kim Y** nhận còn nợ **Ngân hàng TMCN** số tiền chưa trả theo 03 Hợp đồng tín dụng số 018/010/17/0000611 ngày 06/7/2017, số 018/010/17/0000825 ngày 07/8/2017 và số BĐS/10/20/0375.XSN ngày 08/7/2020 với tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 25/7/2024 là 9.705.486.086

(chín tỷ, bảy trăm lẻ năm triệu, bốn trăm tám mươi sáu ngàn, không trăm tám mươi sáu) đồng; trong đó: Nợ gốc là 8.996.896.467 đồng (tám tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng), nợ lãi là 708.589.619 (bảy trăm lẻ tám triệu, năm trăm tám chín ngàn, sáu trăm mười chín) đồng. Cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 018/010/17/0000611 ngày 06/7/2017, bà **Đỗ Thị Kim Y2** nợ Ngân hàng số tiền: Nợ gốc là 446.396.467 (bốn trăm bốn mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn, bốn trăm sáu mươi bảy) đồng; nợ lãi là 35.526.826 (ba mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn, tám trăm hai mươi sáu) đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 481.923.293 (bốn trăm tám mươi một triệu, chín trăm hai mươi ba ngàn, hai trăm chín mươi ba) đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 018/010/17/0000825 ngày 07/8/2017, bà **Đỗ Thị Kim Y2** nợ Ngân hàng số tiền: Nợ gốc là 1.872.500.000 (một tỷ, tám trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm ngàn) đồng; nợ lãi là 146.664.505 (một trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, năm trăm lẻ năm) đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 2.019.164.505 (hai tỷ, không trăm mười chín triệu, một sáu bốn ngàn, năm lẻ năm) đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số BĐS/10/20/0375.XSN ngày 08/7/2020, bà **Đỗ Thị Kim Y2** nợ Ngân hàng số tiền: Nợ gốc là (sáu tỷ, sáu trăm bảy mươi tám triệu) 6.678.000.000 đồng; nợ lãi là 526.398.288 (năm trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi tám ngàn, hai trăm tám mươi tám) đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 7.204.398.288 (bảy tỷ, hai trăm lẻ bốn triệu, ba trăm chín mươi tám ngàn, hai trăm tám mươi tám) đồng.

2.2. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đồng ý đề bị đơn bà **Đỗ Thị Kim Y3** số tiền nợ gốc và lãi là 9.705.486.086 (chín tỷ, bảy trăm lẻ năm triệu, bốn trăm tám mươi sáu ngàn, không trăm tám mươi sáu) đồng của 03 hợp đồng tín dụng trên theo phương thức, phân kỳ như sau:

2.2.1. Chậm nhất đến ngày 30/09/2024, bà Y phải trả Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi trên ít nhất (tối thiểu) là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

2.2.2. Chậm nhất đến ngày 31/10/2024, bà Y tiếp tục trả số tiền nợ gốc và lãi trên ít nhất (tối thiểu) là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu) đồng.

2.2.3. Các kỳ trả nợ gốc và lãi tiếp theo (từ kỳ tháng 11/2024 đến kỳ tháng 05/2025): Bà Y phải trả số tiền nợ gốc và lãi hàng tháng ít nhất (tối thiểu) là

170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng/kỳ/tháng; trả trước ngày cuối cùng của tháng (kỳ).

2.2.4. Số tiền nợ gốc và lãi còn lại: Chậm nhất đến ngày 30/06/2025, bà Y phải trả hết số nợ gốc và lãi còn lại của các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Sau thời hạn này, bà Y không trả được số nợ còn lại này thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là nhà và đất tại địa chỉ số E đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số bìa 70127259760, hồ sơ gốc số 249/2003 do Ủy ban nhân dân quận T ngày 10/7/2003, cập nhật thừa kế cho bà Đỗ Thị Kim Y5 17/5/2017) để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Hình thức trả nợ gốc và lãi: Bà Y3 trực tiếp hoặc chuyển khoản cho Ngân hàng TMCP N.

2.2.5. Trường hợp bị đơn bà Đỗ Thị Kim Y6 vi phạm liên tiếp 02 (hai) kỳ trả nợ theo thỏa thuận trên, thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà Y7 trả 01 (một) lần toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi còn lại và phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2.2.7. Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm vẫn không đủ số tiền nợ gốc và lãi của các hợp đồng tín dụng nêu trên thì bà Đỗ Thị Kim Y8 nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP N đến khi trả hết.

2.2.8. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm đã thực hiện xong nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng trên mà vẫn còn dư, thì bà Đỗ Thị Kim Y9 nhận số tiền dư này.

2.2.9. Ngay sau khi bà Đỗ Thị Kim Y6 trả hết các khoản nợ gốc và lãi của các hợp đồng tín dụng trên, thì ngân hàng có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm và trả lại cho bà Y bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm (theo Biên bản giao nhận hồ sơ tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh lập giữa Ngân hàng với bà Y5 06/7/2017).

2.2.10. Kể từ ngày 26/7/2024, bà Y2 phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng: số 018/010/17/0000611 ngày 06/7/2017, số 018/010/17/0000825 ngày 07/8/2017 và số BĐS/10/20/0375.XSN ngày 08/7/2020 cho đến khi trả hết số nợ gốc.

2.3. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.3.1. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Ngân hàng TMCP N chịu. Ngân hàng TMCP N đã nộp đủ số tiền này.

2.3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đỗ Thị Kim Y6 tự nguyện chịu số tiền là 29.388.841 (hai mươi chín triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn, tám trăm bốn

mười một) đồng. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCN** Số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.777.681 (năm mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn, sáu trăm tám mươi một) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng, án phí Tòa án số 0019509 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Các đương sự;
- Lưu; Hồ sơ; VT (TK Thu).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong